

**CHUẨN ĐẦU RA VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**  
**NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG, CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 23 /QĐ-ĐHTNH ngày 13/01/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học  
Tài chính – Ngân hàng Hà Nội)

**I. CHUẨN ĐẦU RA CỦA NGÀNH ĐÀO TẠO TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG**

**Tên ngành đào tạo:** TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG (Mã số: 7340201)

**Chuyên ngành đào tạo:** TÀI CHÍNH – DOANH NGHIỆP (Mã số: 7340201.01)

**Trình độ đào tạo:** Đại học

**Loại hình đào tạo:** Chính quy

**1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO (Program Objectives)**

**1.1. MỤC TIÊU CHUNG (Program General Objectives)**

Đào tạo cử nhân ngành Tài chính – Ngân hàng, chuyên ngành Tài chính doanh nghiệp có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; có kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, kinh tế, chính trị, xã hội, pháp luật, quản trị và có kiến thức nền tảng về tài chính – ngân hàng, có kiến thức chuyên ngành sâu rộng, kỹ năng thực hành nghề nghiệp thành thạo; có năng lực tự chủ, sáng tạo thích ứng với môi trường làm việc thay đổi, có tư duy phản biện; có trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp và ý thức tuân thủ pháp luật và phục vụ cộng đồng, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế.

**1.2. MỤC TIÊU CỤ THỂ (Program Specific Objectives)**

Chương trình đào tạo cử nhân ngành Tài chính – Ngân hàng, chuyên ngành Tài chính doanh nghiệp trang bị cho sinh viên:

a) Về kiến thức:

- PSO 1.1: Có kiến thức cơ bản về chính trị, xã hội, pháp luật và an ninh quốc phòng.
- PSO 1.2: Có kiến thức cơ bản về kinh tế, quản trị và kế toán đáp ứng yêu cầu chuyên môn trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng, có kiến thức nền tảng về lĩnh vực Tài chính – Tiền tệ.
- PSO 1.3: Có kiến thức chuyên ngành sâu rộng có khả năng thực hiện các hoạt động liên quan đến lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng tại các ngân hàng, các doanh nghiệp và các tổ chức khác.

b) Về kỹ năng:

- PSO 2.1: Có kỹ năng thực hiện tốt các nghiệp vụ phát sinh trong hoạt động quản trị tài chính doanh nghiệp.
- PSO 2.2: Sử dụng ngoại ngữ, tin học đáp ứng được yêu cầu trong công việc.
- PSO 2.3: Có kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng phản biện; kỹ năng giao tiếp, thuyết trình vấn đề mạch lạc, thuyết phục.

c) Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- PSO 3.1: Có ý thức kỷ luật, tuân thủ pháp luật, đạo đức nghề nghiệp; ý thức và phục vụ cộng đồng, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.
- PSO 3.2: Có năng lực tự chủ, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo; khả năng tự định hướng, thích nghi với môi trường làm việc khác nhau; khả năng tự học tập, nghiên cứu để nâng cao trình độ chuyên môn.

**2. CHUẨN ĐẦU RA**

## **2.1.VỀ KIẾN THỨC**

- PLO 1.1: Vận dụng được các kiến thức cơ bản về chính trị, xã hội, pháp luật và khoa học tự nhiên vào việc giải quyết các vấn đề phát sinh trong hoạt động chuyên môn và đời sống xã hội.
- PLO 1.2: Vận dụng kiến thức pháp luật chuyên ngành, kiến thức kinh tế, quản trị kinh doanh và kế toán vào việc xem xét, đánh giá các vấn đề tài chính của doanh nghiệp.
- PLO 1.3: Vận dụng kiến thức nền tảng về Tài chính – Tiền tệ vào việc phân tích, đánh giá các vấn đề liên quan phát sinh trong quản trị tài chính tại doanh nghiệp.
- PLO 1.4: Vận dụng kiến thức chuyên sâu vào việc phân tích, đánh giá và đề xuất giải pháp trong các hoạt động tài chính tại doanh nghiệp.

## **2.2.VỀ KỸ NĂNG**

### **a) Kỹ năng nghề nghiệp**

- PLO 2.1: Sử dụng các kỹ năng nghiệp vụ xử lý các vấn đề nảy sinh trong quản trị tài chính tại doanh nghiệp có hiệu quả
- PLO 2.2: Có kỹ năng phân tích, đánh giá được tình hình tài chính doanh nghiệp; từ đó đề xuất được giải pháp cải thiện tình hình.
- PLO 2.3: Có kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức thực hiện các hoạt động tài chính trong doanh nghiệp.
- PLO 2.4: Sử dụng tiếng Anh, tin học đáp ứng được yêu cầu trong công việc chuyên môn.
- PLO 2.5: Đánh giá được chất lượng công việc chuyên môn của bản thân sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.

### **b) Kỹ năng mềm**

- PLO 2.6: Có kỹ năng giao tiếp tốt, có kỹ năng thuyết trình, truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp được giao.
- PLO 2.7: Có kỹ năng làm việc nhóm, tổ chức, quản lý, điều hành nhóm làm việc hiệu quả.

## **2.3.VỀ NĂNG LỰC TỰ CHỦ, TỰ CHỊU TRÁCH NHIỆM**

- PLO 3.1: Có ý thức trách nhiệm, tuân thủ pháp luật đối với công việc, đạo đức nghề nghiệp, tinh thần hợp tác và thái độ phục vụ cộng đồng, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế xã hội.
- PLO 3.2: Có năng lực tự chủ, tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân; có kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn.
- PLO 3.3: Có khả năng lập kế hoạch quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động chuyên môn về tài chính doanh nghiệp

## **3.CHUẨN ĐẦU VÀO**

Công dân Việt Nam và người nước ngoài có nguyện vọng được tuyển vào Trường ĐH Tài chính - Ngân hàng Hà Nội và đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn theo Quy chế tuyển sinh đại học và cao đẳng cao đẳng mầm non của Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng như quy định trong Đề án tuyển sinh của Trường ĐH Tài chính - Ngân hàng Hà Nội công bố hàng năm

## **4.VỊ TRÍ LÀM VIỆC CỦA SINH VIÊN SAU KHI TỐT NGHIỆP**

Sinh viên sau khi tốt nghiệp có thể đáp ứng các yêu cầu làm việc ở nhiều vị trí khác nhau:

- Có thể đảm nhận những vị trí công việc liên quan đến tài chính và tài chính doanh nghiệp tại các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức xã hội từ Trung ương đến địa phương như: Ở các Bộ, Ban, Ngành; các Sở và các Hiệp hội...;

- Có thể đảm nhận nhiều vị trí công việc khác nhau liên quan đến hoạt động tài chính và quản trị tài chính tại các loại hình doanh nghiệp, các công ty, tổng công ty, tập đoàn kinh tế và các tổ chức tài chính (ngân hàng thương mại, công ty tài chính, công ty chứng khoán, quỹ đầu tư...).
- Các công việc có thể đảm nhận như: Phân tích tài chính doanh nghiệp; hoạch định chiến lược, kế hoạch hóa và dự báo tài chính doanh nghiệp; phân tích và đánh giá dự án đầu tư; phân tích thị trường tài chính, đầu tư và huy động vốn; tái cấu trúc doanh nghiệp...;
- Có thể đảm nhiệm những vị trí công tác về giảng dạy, nghiên cứu ở các cơ sở đào tạo (các học viện, trường đại học, cao đẳng), các cơ quan nghiên cứu khoa học, các viện nghiên cứu về lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng nói chung và tài chính doanh nghiệp nói riêng.

## 5. KHỐI LƯỢNG, CẤU TRÚC, NỘI DUNG KIẾN THỨC TOÀN KHOA

### 5.1. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 134 tín chỉ

### 5.2. Cấu trúc kiến thức của chương trình đào tạo:

STT	Khối kiến thức	Số tín chỉ
<b>1</b>	<b>Kiến thức giáo dục đại cương</b>	<b>43</b>
1.1	Lý luận chính trị, pháp luật	11
1.2	Khoa học tự nhiên, xã hội, tin học	13
1.3	Ngoại ngữ	8
1.4	Giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng – an ninh	11
<b>2</b>	<b>Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>	<b>91</b>
2.1	Cơ sở khối ngành	8
2.2	Cơ sở ngành	33
2.3	Chuyên ngành	32
2.4	Bổ trợ	8
2.5	Thực tập cuối khóa và Khóa luận tốt nghiệp	10
	<b>Tổng cộng (1+2)</b>	<b>134</b>

### 5.3. Nội dung của Chương trình đào tạo

Số TT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
<b>I</b>		<b>KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG</b>	<b>43</b>	
		<b>Các học phần bắt buộc</b>	<b>41</b>	
<b>1.1</b>		<b>Lý luận chính trị, pháp luật</b>	<b>11</b>	
1	DCB.03.11	Triết học Mác-Lê nin (Philosophy of Marxism – Leninism)	3	
2	DCB.03.12	Kinh tế chính trị Mác - Lê nin (political economics of Marxism – Leninism 2)	2	
3	DCB.03.13	Chủ nghĩa xã hội khoa học (Scientific Socialism)	2	
4	DCB.03.14	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	
5	DCB.03.05	Tư tưởng Hồ Chí Minh (Ho Chi Minh Ideology)	2	
6	DCB.03.06	Pháp luật đại cương (General law)	2	
<b>1.2</b>		<b>Khoa học tự nhiên, xã hội, tin học</b>	<b>9</b>	
7	DCB.05.14	Toán cao cấp (Advanced mathematics)	3	
8	DCB.05.15	Lý thuyết xác suất và thống kê toán (Theory of probability and	2	

Số TT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
		mathematical statistics)		
9	DCB.05.11	Tin học 1 (Information technology 1)	2	
10	DCB.05.12	Tin học 2 (Information technology 2)	2	
<b>1.3</b>		<b>Ngoại ngữ</b>	<b>8</b>	
11	DCB.04.06	Tiếng Anh 1 (English 1)	4	
12	DCB.04.07	Tiếng Anh 2 (English 2)	4	
<b>1.4</b>		<b>Giáo dục thể chất, Quốc phòng - An ninh</b>	<b>11</b>	
13		Giáo dục Thể chất	3	
	DCB.01.10	Giáo dục thể chất 1 (Physical Education 1)	1	
	DCB.01.11	Giáo dục thể chất 2 (Physical Education 2)	1	
	DCB.01.12	Giáo dục thể chất 3 (Physical Education 3)	1	
14		Giáo dục Quốc phòng - An ninh	8	
	DCB.01.01	Đường lối quân sự của Đảng cộng sản Việt Nam	3	
	DCB.01.02	Công tác quốc phòng, quân sự - an ninh	2	
	DCB.01.03	Quân sự chung và kỹ chiến thuật bộ binh	3	
		<b>Các học phần tự chọn</b>	<b>2</b>	
15	DCB.02.10	Kỹ năng thuyết trình và soạn thảo văn bản (Presentation and Witing Skills)	2	Chọn 1 trong 2 học phần
16	DCB.03.08	Xã hội học (Sociology)	2	
<b>II</b>		<b>KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP</b>	<b>91</b>	
<b>2.1</b>		<b>Kiến thức cơ sở khối ngành</b>	<b>8</b>	
		<b>Các học phần bắt buộc</b>	<b>6</b>	
17	DCB.02.04	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)	3	
18	DCB.02.03	Kinh tế vi mô (Microeconomics)	3	
		<b>Các học phần tự chọn</b>	<b>2</b>	
19	DCB 02.01	Kinh tế phát triển (Development economics)	2	Chọn 1 trong 2 học phần
20	DCB 02.02	Kinh tế quốc tế (International economics)	2	
<b>2.2</b>		<b>Kiến thức cơ sở ngành</b>	<b>33</b>	
21	DTN.02.07	Lý thuyết Tài chính - tiền tệ (Theory of finance and money)	3	
22	DCB.02.06	Nguyên lý thống kê (Theory of statistics)	2	
23	DKT.01.20	Nguyên lý kế toán (Theory of Accounting)	3	
24	DTN.02.18	Thị trường tài chính (Financial market)	2	
25	DTN.02.19	Thuế (Taxation)	2	
26	DTN.02.01	Bảo hiểm (Insurance)	2	

Số TT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
27	DQK.01.05	Marketing căn bản (Essentials of marketing)	2	
28	DQK.02.08	Quản trị học (Management studies)	2	
29	DCB.04.08	Tiếng Anh 3 (English 3)	4	
30	DTA.20.40	Tiếng anh chuyên ngành 1 (English for finance & banking - course 1)	4	
31	DTA.20.41	Tiếng anh chuyên ngành 2 (English for finance & banking - course 2)	4	
32	DCB.03.07	Pháp luật kinh tế (Economic law)	3	
<b>2.3</b>		<b>Kiến thức chuyên ngành</b>	<b>32</b>	
		<b>* Các học phần bắt buộc (Compulsory courses)</b>	<b>28</b>	
33	DTN.02.25	Tài chính doanh nghiệp (Corporate finance )	3	
34	DTN.02.28	Quản trị tài chính doanh nghiệp 1 (corporate finance management 1)	3	
35	DTN.02.29	Quản trị tài chính doanh nghiệp 2 (corporate finance management 2)	3	
36	DTN.02.39	Quản trị tài chính doanh nghiệp 3 (corporate finance management 3)	2	
37	DTN.02.04	Định giá tài sản (Asset pricing studies)	2	
38	DTN.02.09	Phân tích tài chính doanh nghiệp (Corporate finance analysis)	3	
39	DTN.02.24	Đầu tư tài chính (Financial invesment)	3	
40	DTN.02.17	Tài chính quốc tế (International finance)	2	
41	DTN.01.03	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại (Commercial bank)	3	
42	DTN.01.09	Thanh toán quốc tế và Tài trợ ngoại thương (Internationl payment and trade finance)	2	
43	DCT.02.30	Tin học ứng dụng trong tài chính doanh nghiệp (Applied informaties in corporate finance)	2	
		<b>* Các học phần tự chọn (Optional courses)</b>	<b>4</b>	
44	DTN.02.12	Tài chính công ty đa quốc gia (Multinational business finance)	2	Chọn 2 trong 3 học phần
45	DTN.02.10	Quản lý tài chính công (Public finance management)	2	
46	DTN.02.05	Hải quan (Customs)	2	
<b>2.4</b>		<b>Kiến thức bổ trợ</b>	<b>8</b>	
		<b>*Các học phần bắt buộc (Compulsory courses)</b>	<b>6</b>	
47	DKT.01.18	Kế toán tài chính 1 (Financial accounting 1)	3	
48	DKT.01.19	Kế toán tài chính 2 (Financial accounting 2)	3	
		<b>* Các học phần tự chọn (Optional courses)</b>	<b>2</b>	
49	DQK.02.27	Quản trị công ty (Corporate governance)	2	Chọn 1 trong 2 học phần
50	DKT.02.02	Kiểm toán căn bản (Auditing fundamentals)	2	

Số TT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
<b>2.5</b>		<b>Thực tập cuối khóa và Khóa luận tốt nghiệp</b>	<b>10</b>	
51	DTN.02.21	Thực tập cuối khóa (Graduation practice)	4	
52	DTN.02.22	Khóa luận tốt nghiệp (Graduation thesis)	6	
		<b>Tổng cộng</b>	<b>134</b>	

## 6. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

### 6.1 Phương pháp giảng dạy:

Các phương pháp giảng dạy được lựa chọn gồm:

STT	Phương pháp dạy học
1	Phương pháp chung là thuyết trình kết hợp linh hoạt với các phương pháp dạy học tích cực sau đây:
2	Phương pháp dạy học theo nhóm: Thảo luận nhóm; làm bài tập, bài tập lớn theo nhóm
3	Dạy học trải nghiệm: Kiến tập, thực tập doanh nghiệp
4	Hướng dẫn tự học

### 6.2 Phương pháp, hình thức đánh giá kết quả học tập

#### 6.2.1 Các phương pháp đánh giá

a) Đánh giá chuyên cần (Tham gia học trên lớp; ý thức, thái độ, chất lượng tham gia các hoạt động học tập)

b) Đánh giá kiến thức, kỹ năng:

- Vấn đáp: Theo câu hỏi, theo Bài tập lớn.
- Viết: Tự luận, trắc nghiệm, bài tập lớn, tiểu luận, khóa luận tốt nghiệp.
- Thực hành: Thực tập tại doanh nghiệp

#### 6.2.2 Các hình thức đánh giá

- Đánh giá thường xuyên
- Đánh giá định kỳ
- Đánh giá tổng kết: Kết thúc học phần, kết thúc khóa học.

## 7. CƠ SỞ VẬT CHẤT, CÔNG NGHỆ VÀ HỌC LIỆU PHỤC VỤ ĐÀO TẠO

### 7.1 Cơ sở vật chất, công nghệ

Sử dụng cơ sở vật chất, công nghệ (các giảng đường, phòng máy tính thực hành, internet) tại các cơ sở đào tạo của Nhà trường.

### 7.2 Học liệu

Sử dụng học liệu tại Thư viện của Nhà trường và học liệu của các giảng viên cung cấp

## 8. ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

Sinh viên được công nhận tốt nghiệp khi hội đủ các tiêu chuẩn quy định trong Quy chế đào tạo trình độ đại học ban hành theo Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ

Giáo dục và Đào tạo; Quy định đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành theo quyết định số 102/QĐ-ĐHTNH-QLĐT ngày 14/6/2021 của Hiệu trưởng Trường ĐH Tài chính - Ngân hàng Hà Nội.

## **9. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH**

Chương trình thực hiện theo Quy chế đào tạo trình độ đại học, ban hành theo Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp ban hành theo Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quy định về đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ; Quy định thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần trong tổ chức đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ ban hành theo các quyết định số 102/QĐ-ĐHTNH-QLĐT ngày 14/6/2021 và quyết định số 108/QĐ-ĐHTNH-QLĐT ngày 30/6/2021 của Hiệu trưởng Trường ĐH Tài chính - Ngân hàng Hà Nội./.